

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 612/2019/TLST – VHNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1975 và anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1972, cùng trú tại: Ấp 3, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyền số 2001, ngày 12/11/2001 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp thì chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Ngọc N là vợ chồng hợp pháp, nay anh chị xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại Trung tâm hòa giải, đối thoại - Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, các bên đương sự đã thỏa thuận được về ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành, với nội dung cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Ngọc N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Ngọc N đã thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Ngọc Yến N1, sinh ngày 11/10/2004 và cháu Nguyễn Ngọc Đăng K, sinh ngày 14/11/2002 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời chị Nguyễn Thị B không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị B** và anh **Nguyễn Ngọc N** không yêu cầu Toà án giải quyết có.

- Về nợ chung: Chị **Nguyễn Thị B** và anh **Nguyễn Ngọc N** cam kết không có nợ chung.

Việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3]. Về lệ phí Tòa án: Chị **Nguyễn Thị B** và anh **Nguyễn Ngọc N** mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000đ, nhưng Chị **Nguyễn Thị B** và anh **Nguyễn Ngọc N** tự nguyện thỏa thuận chuyển 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí chị **Nguyễn Thị B** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom sang nộp tiền lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị B** và anh **Nguyễn Ngọc N** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Ngọc Yên N1**, sinh ngày 11/10/2004 và cháu **Nguyễn Ngọc Đăng K**, sinh ngày 14/11/2002 cho chị **Nguyễn Thị B** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm thời **chị Nguyễn Thị B** không yêu cầu **anh Nguyễn Ngọc N** phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị B** và anh **Nguyễn Ngọc N** không yêu cầu Toà án giải quyết có.

- Về nợ chung: Chị **Nguyễn Thị B** và anh **Nguyễn Ngọc N** cam kết không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **Nguyễn Thị B** tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí mà chị **Nguyễn Thị B** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số **0007034** ngày **20** tháng **8** năm **2019**. Như vậy, chị **Nguyễn Thị B** đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- THA dân sự huyện Trảng Bom;
- UBND xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai;  
(37, quyển số 2001, ngày 12/11/2001)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trịnh Thị Quyên**